TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số:30/2023/DS-ST
Ngày 27-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lộc Thị Vinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hòa
2. Bà Nguyễn Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thể - Thư ký Tòa án.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2023/TLST – DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST – DS ngày 22/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2023/QĐST - DS ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng X.

Trụ sở: Số A, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số A, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy q uyền: Ông Phạm Xuân T – Giám đốc Ngân hàng X huyện C.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Quỳnh G - C/v: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X- C

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn, E, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: 1.Bà Vũ Thị G, sinh năm: 1992;
2. Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1987;
3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

(Bà G có mặt, ông H và bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trên cơ sở Giấy đề nghị vay vốn của bà Vũ Thị G bà G đề

nghị vay vốn theo chương trình cho vay vốn hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; Ngân hàng X - Phòng giao dịch C cho hộ bà G vay số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng); khế ước số 6600000715629486 vào ngày 20/6/2019: thỏa thuận: tổng số tiền vay 45.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất cho vay 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; mục đích vay: trồng cà phê; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, mỗi lần trả 9.000.000 đồng tiền gốc, lãi vay trả hàng tháng vào ngày 20; hạn trả nợ gốc cuối cùng là 20/6/2024.

Đến hạn trả nợ, Ngân hàng đến đòi nhiều lần nhưng bà Vũ Thị G chỉ trả được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng tiền gốc và 16.121.850 đồng tiền lãi (tiền lãi đóng lần cuối vào ngày 16/6/2023).

Vì hộ bà G đã vi phạm lãi nhiều tháng nên ngày 20/9/2023 tổ vay vốn Thôn Đ đã chuyển tiền tiết kiệm của hộ bà G để thanh toán hết tiền lãi phát sinh.

Ngân hàng X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc bà Vũ Thị G ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả trả Ngân hàng X tiền 44.120.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: tiền gốc 44.000.000đ, tiền lãi tính tới thời điểm xét xử hôm nay 27/9/2023 là 120.000 đồng. Cụ thể cách tính lãi:

Lãi trong hạn tính từ 20/6/2019 đến 27/9/2023 là: 44.000.000đ x 1560 ngày x 0.75%/tháng = 17.239.987.đồng;

Ngày 20/9/2023 hộ bà Giang đã đóng tiền lãi trong hạn được 17.119.987 đồng (tiền lãi thu từ quỹ tiết kiệm vào ngày 20/9/2023), như vậy lãi trong hạn hộ bà Giang còn nợ là 120.000 đồng.

Ngân hàng X rút một phần yêu cầu lãi đối với bà G, ông H, bà L, cụ thể xin rút 21.041đồng lãi so với yêu cầu khởi kiện.

Ngân hàng X yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị G, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2023 là 44.120.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) (Trong đó: tiền gốc 44.000.000 đồng và lãi là 120.000 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh tính đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Khế ước số: 6600000715629486 vay ngày 20/6/2019.

- Bị đơn bà Vũ Thị G trình bày tại bản tự khai và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, thừa nhận gia đình bà G có vay Ngân hàng X tổng số tiền 45.000.000 đồng theo Khế ước số: 66600000715629486 ngày 20/6/2019; mục đích sử dụng: phát triển kinh tế, cải thiện cuộc sống gia đình như mục đích vay; tuy nhiên, do vợ chồng bà G, ông H trục trặc tình cảm, đã ly hôn nên đã vi phạm thời hạn trả nợ cho Ngân hàng. Lần trả lãi cuối vào tháng 6/2023. Việc bà được thu tiền tiết kiện để thanh toán lãi bà hoàn toàn đồng ý. Nguyện vọng của bà Vũ Thị G xin được trả ½ khoản nợ với ông Phạm Văn H; mong Hội đồng xét xử không buộc bà Nguyễn Thị L cùng trả nợ vì bà L là mẹ chồng, bà chỉ hỗ trợ ông H, bà G phát triển kinh tế chứ không có nghĩa vụ trả tiền mà nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thuộc về bà G, ông H.

- Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày tại bản tự khai 10/8/2023: Thừa nhận gia đình ông H có vay Ngân hàng X tổng số tiền 45.000.000 đồng theo Khế ước số: 66600000715629486 vay ngày 20/6/2019; sử dụng khoản vay vào mục đích trồng cà phê, phát triển kinh tế của gia đình. Tuy nhiên, do vợ chồng ông H đã ly hôn nên đã vi phạm thời hạn trả nợ cho Ngân hàng từ tháng 6/2023. Ông H xin được trả nợ cho Ngân hàng cụ thể: Ông và bà G mỗi người trả một nữa số nợ.

Tại phiên hòa giải, tại các phiên tòa ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị L đều vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về hình thức tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng X - Phòng giao dịch C khởi kiện bà Vũ Thị G ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện C trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét món vay khế ước số: 66600000715629486 vay ngày 20/6/2019 được ký kết giữa bà Vũ Thị G với Ngân hàng X - Phòng giao dịch C hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, nội dung vay số tiền 45.000.000 đồng theo các chương trình mục đích vay: đầu tư trồng cà phê, chương trình cho vay vốn hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn;, các thỏa thuận trong khế ước hoàn toàn phù hợp đúng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

" Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"

Đến trả nợ lãi tháng 6/2023, bà G không trả lãi, như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận trong Khế ước vay đã ký kết.

Tại khoản 1 khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự quy định:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Tuy đứng tên vay Ngân hàng X là bà Vũ Thị G nhưng đây là khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mối quan hệ giữa bà Vũ Thị G và ông Phạm Văn H là quan hệ vợ chồng; bà Nguyễn Thị L là mẹ chồng của bà G và đang chung sống cùng nhà; việc bà G ký nhận nợ với Ngân hàng X thì ông H, bà L có biết, có ký giấy ủy quyền ngày 07/6/2019 để bà G vay vốn (Bút lục 03) và thừa nhận vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng nên theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xét thấy: ông Phạm Văn H , bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chung về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, hộ gia đình nên là đồng bị đơn, có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ đối với khoản vay này.

HĐXX xét yêu cầu tính gốc, lãi của nguyên đơn: Cách tính lãi của Ngân hàng X là rõ ràng, đúng theo thỏa thuận về thời điểm trả nợ và lãi suất, không vi phạm quy định của pháp luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hành chính sách là có căn cứ theo các món vay Khế ước số: 66600000715629486 vay ngày 20/6/2019 được ký kết giữa bà G và Ngân hàng X, HĐXX cần chấp nhận.

Xét: Ngày 20/9/2023 tổ vay vốn Thôn Đồi Mây đã chuyển tiền tiết kiệm của hộ bà G để thanh toán hết tiền lãi phát sinh là đúng theo thỏa thuận đã ký kết giữa hộ vay và tổ vay vốn; bà G đồng ý về cách thu của tổ vay vốn, không vi phạm quy định của pháp luật, HĐXX cần chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên HĐXX đủ căn cứ buộc bà Vũ Thị G, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả Ngân hàng X số tiền là 44.120.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: tiền gốc 44.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày xét xử 27/9/2023 là 120.000 đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 28/9/2023 theo mức lãi suất như đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ đối với số tiền còn nợ cho đến khi trả nợ xong.

Xét: Ngân hàng X rút một phần yêu cầu lãi đối với bà G, ông H, bà L, cụ thể xin rút 21.041đồng lãi so với yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, HĐXX cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Án phí dân sự có giá nghạch đối với số tiền 44.120.000 đồng là: 44.120.000 đồng x 5% = 2.206.000 đồng (Hai triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí

dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X;

1. Buộc bà Vũ Thị G, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả Ngân hàng X số tiền: 44.120.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: tiền gốc 44.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày xét xử 27/9/2023 là 120.000 đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 28/9/2023 theo mức lãi suất như đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 66600000715629486 ngày 20/6/2019 với số tiền còn nợ cho đến khi trả nợ xong.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính 21.041đồng lãi của nguyên đơn.

3. Về án phí: Buộc bà Vũ Thị G, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L phải nộp 2.206.000 đồng (Hai triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lộc Thị Vinh